Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 96

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ NẬT SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Tỉnh lộ 448	Điểm tiếp giáp xã Mường Động	Điểm tiếp giáp phường Kỳ Sơn	3.990	3.360	2.520	2.620	2.400	2.220	2.620	1.830	1.280
2	Đường Trường Sơn A	Điểm tiếp giáp xã Mường Động	Điểm tiếp giáp xã Đú Sáng cũ	5.290	3.250	2.590	3.470	2.430	1.700	3.470	2.430	1.700
3		Điểm giáp xã Bình Sơn cũ (nay là xã Nật Sơn)	Điểm tiếp giáp xã Lương Sơn	4.140	3.100	2.300	2.620	1.870	1.310	2.520	1.780	1.220
4		Ngã ba Khăm	Hết khu dân cư xóm Láu Ráy	2.600	1.600	1.100	750	700	660	660	610	560
5		Điểm tiếp giáp xóm Láu Ráy	Điểm tiếp giáp xã Cao Dương	1.100	850	750	660	560	470	560	520	460
6		Ngã ba Trám	Điểm tiếp giáp xã Mường Động	1.100	850	750	660	560	470	560	520	460
7	Đường xã	Tuyến X2: Ngã ba Chỉ Bái	Điểm tiếp giáp xã Hợp Kim	1.100	850	750	660	560	470	560	520	460
8		Tuyến T (điểm tiếp giáp xóm Nội Sung, xã Kim Bôi)	Ngã ba xóm Khoang (tiếp giáp với đường Trường Sơn A)	1.100	850	750	660	560	470	560	520	460
9		Tuyến Y: Ngã ba xóm Lốc	Điểm tiếp giáp xóm Cốc, xã Kim Bôi	1.100	850	750	660	560	470	560	520	460
10	Đường liên thôn, xóm	Xóm Sáng Trong	Xóm Suối Chuộn	2.030	1.430	1.230	700	610	550	610	560	530
11		Xóm Vó Mái	Xóm Gò Bùi	1.100	960	750	660	560	470	560	520	460
12		Ngã ba sáng Mới	Điểm tiếp giáp xóm Kim Đức, xã Mường Động	2.100	1.430	1.230	730	660	610	630	590	540
13		Ngầm Chập Chỡ, xóm Hồi Trám	Hết thửa đất nhà bà Bùi Thị Hải, xóm Khả	900	800	700	610	540	460	520	470	440
14		Tiếp giáp thửa đất nhà bà Bùi Thị Hải, xóm Khả	Hết thửa đất nhà ông Triệu Văn Phây, xóm Đằng Long	800	700	650	590	500	440	470	450	430
15		Ngầm Bai U (xóm Hồi Trám)	Hết thửa đất nhà ông Bùi Văn Quy	900	800	700	610	540	460	520	470	440

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
16	Đường liên thôn, xóm	Thửa đất nhà bà Bùi Thị Nghĩa, xóm Khả	Hết Đình làng Khả	900	800	700	610	540	460	520	470	440
17		Nhà văn hóa xóm Cầu	Hồ Cầu	900	800	700	610	540	460	520	470	440
18		Hộ ông Bùi Văn Nguyên	Hết thửa đất hộ nhà ông Bùi Tư Thế (xóm Khoang)	900	800	700	610	540	460	520	470	440
19		Xóm Tre Thị tiếp giáp xóm Gò Chè, xã Hợp Kim	Hết xóm Bờ	1.100	850	750	660	560	470	560	520	460
20		Ngầm suối Kho	Điểm hết xóm Suối Kho	700	600	500	470	450	430	450	430	420
21		Ngã ba xóm Rộc	Hết xóm Bưa Cầu	900	800	700	610	540	460	520	470	440
22		Ngã ba xóm Mát	Hết khu dân cư Suối Chuộn, xóm Mát	800	700	650	590	500	440	470	450	430
23	Đường giao thông xóm Suối Chuộn	Đường trục chính Sáng Trong - Suối Chuộn	Hết thửa đất nhà ông Bạch Công Biền	1.380	850	750	660	560	470	560	520	460
24		Đường trục chính Sáng Trong - Suối Chuộn	Nhà văn hóa xóm Suối Chuộn	2.030	1.430	1.230	700	610	550	610	560	530
25	Đường từ trục chính xóm Cuôi	Điểm tiếp giáp xóm Khăm đến điểm tiếp giáp xóm Dạnh, xã Mường Động; điểm tiếp giáp xóm Láu Ráy đến đầu ngầm Cuôi	Nhà ông Nguyễn Tiến Thu	2.100	1.430	1.230	730	660	610	630	590	540
26	Các tuyến đường giao thông trục chính của xóm Láu Ráy			1.500	1.230	800	730	660	610	630	590	540
27	Các tuyến đường giao thông trục chính xóm Gó Tháu			1.600	1.200	900	730	660	610	630	590	540
28	Các tuyến đường giao thông trục chính xóm Hợp Nhất			2.030	1.430	1.230	700	610	550	610	560	530
29	Các tuyến đường giao thông trục chính xóm Khăm			2.670	1.670	1.000	730	660	610	630	590	540

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
30	Các tuyến đường giao thông trục chính các xóm: Nước Đúc, Hang Lờm, Ngheo, Đầm Sáng, Bờ Nè, Khớt, Bèo, Khoang, Nèo, Lốc, Bờ, Rường, Tre Thị, Khoai, Bưa Cầu, Rộc, Chỉ Bái, Chỉ Ngoài, Cầu, Hồi Trám, Khả			900	800	700	610	540	460	520	470	440
31	Các tuyến đường giao thông còn lại của xóm Bà Rà, Đằng Long, Ba Bị, Suối Kho			600	550	480	450	430	420	440	430	420
32	Đoạn từ đường Trường Sơn A đi qua khu tái định cư xóm Suối Thản đến điểm tiếp giáp xóm Nước Đúc	Đường Trường Sơn A	Tiếp giáp xóm Nước Đúc	1.100	850	750	660	560	470	560	520	460
33	Đoạn từ hộ nhà ông Bùi Văn Bích đến hộ nhà ông Bùi Văn Duy	Hộ nhà ông Bùi Văn Bích, xóm Láu Ráy	Hộ nhà ông Bùi Văn Duy, xóm Cuôi	2.100	1.430	1.230	730	660	610	630	590	540
34	Các tuyến đường giao thông còn lại Khăm, Cuôi, Suối Thản			1.500	1.230	800	730	660	610	630	590	540
35	Các khu tái định cư	Khu tái định cư xóm Suối Thản thuộc dự án đường Liên kết vùng		1.100			660			560		
36	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			700	600	500	470	450	430	450	430	420